

BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ VINH
KHOA XÉT NGHIỆM



SỔ TAY KHÁCH HÀNG

	Người biên soạn	Người xem xét	Người phê duyệt
Họ tên	Lê Thị Thảo	Phạm Ánh Ngời	Nguyễn Hồng Trường
Ký tên			 
Chức vụ	Nhân viên Xét nghiệm	Trưởng khoa Xét nghiệm	Giám đốc bệnh viện
Ngày	03/12/2018	18/12/2018	24/12/2018

Mã số (MS): KXN/STKH

Phiên bản (PB): 1.0

Ngày ban hành (NBH): 01/01/2019

Ngày cập nhật:

[illegible]

	KHOA XÉT NGHIỆM	MS: KXN/STKH
	SỔ TAY KHÁCH HÀNG	PB: 01 NBH: 01/01/2019

Nơi nhận

KHOA BNĐ	☐	KHOA TCDD	☐
KHOA CĐHA	☐	KHOA TMH	☐
KHOA DƯỢC	☐	KHOA TTCC	☐
KHOA HSTC – CD – TNT	☐	KHOA RHM	☐
KHOA KB	☐	KHOA XN	☒
KHOA KSNK	☐	KHOA YHCT – VLTL – PHCN	☐
KHOA MẮT	☐	PHÒNG CTXH – QLCL	☐
KHOA NGTH	☐	PHÒNG ĐD	☐
KHOA NHI	☐	PHÒNG KHTH	☐
KHOA NTH	☐	PHÒNG TCKT	☐
KHOA NTM	☐	PHÒNG TCHC	☐
KHOA PTGM	☐	PHÒNG VTKT – CNTT	☐
KHOA PS	☐		

Khoa/ phòng nhận và lưu tài liệu được đánh dấu nhân (☒) vào ô vuông bên phải

Khoa/ phòng lưu giữ bản gốc được in đậm

Tổng số bản: 01

Bản gốc: 01

Bản sao: 00

MỤC LỤC

I. Mục đích:	1
II. Phạm vi và đối tượng áp dụng:	1
III. Trách nhiệm thực hiện:	1
IV. Thuật ngữ, định nghĩa, từ viết tắt	1
V. Giới thiệu về Khoa Xét nghiệm:	2
VI. Các dịch vụ khoa Xét nghiệm cung cấp:	2
1. Chính sách của KXN:	2
2. Nhân sự	3
3. Thông tin liên hệ	3
4. Thông tin về các dịch vụ xét nghiệm:	3
5. Tiến trình thực hiện	5
5.1. Lấy mẫu Xét nghiệm:	5
5.2. Thực hiện xét nghiệm:	7
5.3. Trả kết quả:	7
7. Phân tích, đánh giá kết quả XN:	7
8. Bảo mật thông tin:	7
9. Khiếu nại, phàn nàn của KH:	7
10. Xác nhận kết quả :	7
11. Chi phí xét nghiệm:	7
Phụ lục 01: DANH MỤC CÁC XÉT NGHIỆM	
Sinh hóa máu	8
Sinh hóa nước tiểu	9
Miễn dịch hoormon	9
Miễn dịch sang lọc ung thư	9
Huyết học	10
Vi sinh	11
Test nhanh	11
Phụ lục 02: THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ	13
Phụ lục 03: PHIẾU CHỈ ĐỊNH XÉT NGHIỆM	14
Phụ lục 4: KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM	15

I. Mục đích:

Sổ tay khách hàng là tài liệu cung cấp thông tin về các dịch vụ xét nghiệm tại Khoa Xét nghiệm (KXN) Bệnh viện ĐK TP Vinh nhằm đảm bảo các thông tin được cung cấp là đầy đủ, rõ ràng và chính xác tới người sử dụng

II. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

- 1 **Phạm vi áp dụng:** Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh (BV ĐKTP Vinh)
- 2 **Đối tượng áp dụng:** Toàn bộ nhân viên của BV ĐKTP Vinh và các KH sử dụng dịch vụ của KXN

III. Trách nhiệm thực hiện:

- Toàn bộ nhân viên của BV ĐKTP Vinh có trách nhiệm nắm bắt và phổ biến nội dung của Sổ tay khách hàng cho KH.
- Lãnh đạo KXN có trách nhiệm theo dõi thực hiện và cập nhật Sổ tay khách hàng.
- KH tham khảo Sổ tay khách hàng để có thông tin đầy đủ và chính xác.

IV. Định nghĩa, từ viết tắt**1. Định nghĩa**

- KH: là cá nhân, cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ của Khoa Xét nghiệm(KXN)
- Xét nghiệm máu: gồm các Xét nghiệm(XN) thuộc các chuyên ngành: Sinh hóa, Huyết học, Miễn dịch, Test nhanh.
- Xét nghiệm sinh hóa: Là các XN thể hiện hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể như chức năng gan, thận, chuyển hóa...
- Xét nghiệm huyết học: Là các XN dùng để đánh giá thiếu máu, chức năng đông máu, nhóm máu.
- Xét nghiệm miễn dịch: Là các XN dùng để định lượng các hormon, enzym như hormon tuyến giáp, hormon tuyến thượng thận, hormon sinh dục, men tim, men tụy...
- Xét nghiệm Miễn dịch sàng lọc ung thư: :Là các XN định lượng các chất chỉ điểm khối u như: PSA chỉ điểm ung thư tiền liệt tuyến, Tg chỉ điểm ung thư tuyến giáp...
- Xét nghiệm Vi sinh : là các xét nghiệm tìm nấm, vi khuẩn, ký sinh trùng....
- Xét nghiệm Test nhanh : Là các xét nghiệm định tính hoặc bán định lượng các chất hoặc virus... ở trong dịch cơ thể như máu, nước tiểu...
- Xét nghiệm Tế bào học: là các xét nghiệm để chẩn đoán bệnh bằng cách đánh giá hình thái tế bào, thường được dùng để tìm tế bào ung thư trong khối u

- Xét nghiệm Mô bệnh học (giải phẫu bệnh) : là xét nghiệm chẩn đoán bệnh bằng cách đánh giá hình thái tổ chức của mô. Là xét nghiệm quan trọng dùng để chẩn đoán ung thư.

2. Từ viết tắt

Từ viết tắt	Nghĩa
KH	Khách hàng
NVYT	Nhân viên y tế
PK	Phòng khám
KXN	Khoa Xét nghiệm
XN	Xét nghiệm
BS	Bác sỹ

V. Giới thiệu về Khoa Xét nghiệm:

Được tách ra từ khoa Cận lâm sàng vào tháng 4 năm 2011, từ một phòng xét nghiệm nhỏ với các hoạt động thủ công thô sơ, dưới sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo bệnh viện và sự nỗ lực không ngừng của các thể hệ cán bộ nhân viên khoa, Khoa Xét nghiệm đã phát triển lớn mạnh ngang tầm với các trung tâm xét nghiệm khác trong khu vực.

Các dịch vụ mà Khoa Xét nghiệm cung cấp bao gồm: XN sinh hóa, XN huyết học, XN miễn dịch, XN marker ung thư, XN test nhanh, XN Vi sinh, XN tế bào học, XN Giải phẫu bệnh.

Với đội ngũ cán bộ ngày càng chuyên sâu cộng với hệ thống máy móc hiện đại nhất khu vực, Khoa Xét nghiệm Bệnh viện ĐK TP Vinh là điểm đến tin cậy cho quý khách hàng khi có nhu cầu xét nghiệm chẩn đoán hoặc theo dõi sức khỏe.

VI. Các dịch vụ khoa Xét nghiệm cung cấp:

Khoa Xét nghiệm bệnh viện ĐKTP Vinh cung cấp 92 xét nghiệm thuộc các lĩnh vực Sinh hóa, miễn dịch, huyết học, test nhanh, vi sinh, giải phẫu bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho quý KH của bệnh viện.

1. Chính sách của KXN:

KXN bệnh viện Đa khoa Tp Vinh cam kết cung cấp dịch vụ xét nghiệm đảm bảo chính xác, tin cậy, kịp thời, khách quan, hướng tới trở thành Nhà cung cấp dịch vụ xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo bộ tiêu chí 2429 về quản lý chất lượng phòng xét nghiệm của Bộ Y tế.

2. Nhân sự

- Trưởng khoa: Bs CK1 Phạm Ánh Ngời; Số điện thoại : 0918013268
- Phó trưởng khoa: Ths Nguyễn Thị Minh Hòa
- Kỹ thuật viên trưởng: CN Hoàng Thị Tâm
- Nhân lực của khoa :

Trình độ	Số lượng
Bác sỹ chuyên khoa cấp 1	2
Bác sỹ	4
Thạc sỹ	2
Cử nhân đại học xét nghiệm	3
Kỹ thuật viên xét nghiệm	12
Tổng số	24

3. Thông tin liên hệ

- Khoa Xét nghiệm bệnh viện Đa khoa Tp Vinh tầng 3 nhà A1 số 178 đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, tp Vinh , tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại

Bộ phận	Số dt nội bộ	Số ĐT cố định
VP khoa xét nghiệm	177	02386 259 663
Phòng kỹ thuật tầng 3	179	02386 259 664
Phòng lấy máu	124	02386 259 618
Phòng xn Vi sinh	186	02386 259 669

- Email: kxnbvtpvinh@gmail.com

4. Thông tin về các dịch vụ xét nghiệm:**4.1. Thời gian làm việc:**

- *Xét nghiệm GPB: các ngày trong tuần, trừ chủ nhật*
- *Các xét nghiệm khác: tất cả các ngày trong tuần.*
- *Giờ làm việc:*

	Mùa đông	Mùa hè
Sáng	7 h – 11h 30	6 h 30 – 11h 30
Chiều	13 h 30 – 17h	14 h – 17 h

- Với KH làm xn dịch khác (dịch âm đạo, dịch mắt, đờm, phân, nước tiểu...) KH lấy mẫu tại PK hoặc khoa phòng theo hướng dẫn của nhân viên y tế. NVYT có trách nhiệm bàn giao mẫu bệnh phẩm cho nhân viên khoa XN.

5.1.2. Hướng dẫn thực hiện lấy mẫu:

- Với bệnh phẩm là đờm, nước tiểu hoặc phân: KH tự lấy mẫu bệnh phẩm theo hướng dẫn của nvyt.
- Với các bệnh phẩm khác: Việc lấy mẫu được nvyt thực hiện theo hướng dẫn tại Sổ tay lấy mẫu.

5.1.3. Hướng dẫn giao- nhận mẫu xét nghiệm:

- Với bệnh phẩm là đờm, nước tiểu hoặc phân: KH để lọ đựng mẫu theo hướng dẫn của nvyt.
- Với các bệnh phẩm khác: nvyt thực hiện bàn giao mẫu cho khoa Xét nghiệm theo hướng dẫn tại Sổ tay lấy mẫu.

5.1.4. Yêu cầu về mẫu xét nghiệm:

- Với mẫu xn máu: Với mỗi loại XN lượng máu cần phải lấy đủ 2ml.
- Với mẫu xn nước tiểu: Lượng nước tiểu phải lấy từ 3-10ml (1/3 ống đựng mẫu trở lên)
- Với mẫu XN Giải phẫu bệnh: Mẫu bệnh phẩm tế bào học phải đủ các yếu tố sau: Có đủ số lượng tế bào để chẩn đoán
- Với mẫu XN Vi sinh: NVYT tham khảo Tài liệu hướng dẫn thu thập bệnh phẩm Vi sinh.

KH lấy bệnh phẩm đờm cần thực hiện đúng hướng dẫn của nvyt để tránh trường hợp bệnh phẩm chỉ có nước bọt (bệnh phẩm có màu trong suốt) mà không có đờm (đờm sẽ có màu đục, vàng, đỏ, nâu, xanh....)

5.1.5. Xử lý mẫu xét nghiệm không đạt yêu cầu :

- KH được yêu cầu thực hiện lại lấy mẫu để XN
- KH có thể không phải thực hiện lại lấy mẫu nếu không muốn, tuy nhiên KXN sẽ không thể có kết quả XN cho KH. Các chi phí liên quan đến XN này sẽ được hoàn trả cho KH theo quy định của Bệnh viện.
- Trong trường hợp đặc biệt, theo yêu cầu của KH hoặc hoạt động chuyên môn của bác sỹ lâm sàng, mẫu không đạt yêu vẫn được thực hiện xét nghiệm. Kết quả XN sẽ bao gồm cả mô tả mẫu không đạt yêu cầu.

5.2. Thực hiện xét nghiệm:

Mẫu bệnh phẩm của KH sẽ được phân tích trên hệ thống máy xét nghiệm hiện đại được trang bị tại Khoa Xét nghiệm với các chuyên gia giỏi nhất của bệnh viện về lĩnh vực Xét nghiệm.

5.3. Trả kết quả:

5.3.1. Thời gian trả kết quả: KH vui lòng tham khảo phụ lục 02

5.3.2. Nơi nhận kết quả:

Kết quả XN của KH được trả về PK hoặc khoa chỉ định. NVYT tại PK sẽ in và trả KQ cho KH. Quý KH đợi kết quả XN tại khu vực chờ trước PK của mình.

6. Lưu mẫu bệnh phẩm:

KXN thực hiện lưu mẫu bệnh phẩm của KH theo quy trình lưu mẫu và các quy định của Bộ Y tế.

7. Phân tích, đánh giá kết quả XN:

Bs lâm sàng tại khoa hoặc pk sẽ phân tích kết quả, kê đơn, hướng dẫn chế độ điều trị theo các Phác đồ điều trị của Bệnh viện và Bộ y tế.

8. **Bảo mật thông tin:** KXN cam kết thực hiện bảo mật thông tin của KH theo các quy định pháp luật

9. **Khiếu nại, phản nản của KH:** Bệnh viện tiếp nhận phản hồi của KH thông qua 4 kênh thông tin sau đây:

- Hòm thư góp ý
- Tổng đài chăm sóc khách hàng: Sdt 1900 9218
- Trao đổi trực tiếp với nvyt
- Thông qua website bệnh viện: Benhvienthanhphovinh.vn

10. **Xác nhận kết quả :** KH cầm kết quả XN tới bộ phận văn thư (ô cửa số 1 và 2, cạnh cổng chính) để được xác nhận.

11. **Chi phí xét nghiệm:** Chi phí xét nghiệm được tính theo bảng giá niêm yết của Bệnh viện.

Phụ lục 01: DANH MỤC CÁC XÉT NGHIỆM

STT	Tên XN	Mục đích
Sinh hóa máu		
1	Định lượng Glucose	Chẩn đoán đái tháo đường
2	Định lượng HbA1c	Chẩn đoán đái tháo đường
3	Định lượng Cholesterol	Mỡ máu
4	Định lượng Triglycerit	Mỡ máu
5	Định lượng HDL	Mỡ máu
6	Định lượng LDL	Mỡ máu
7	Định lượng GOT(AST)	Đánh giá chức năng gan- mật
8	Định lượng GPT (ALT)	Đánh giá chức năng gan- mật
9	Đo hoạt độ GGT	Đánh giá chức năng gan- mật
10	Định lượng Bilirubin toàn phần	Đánh giá chức năng gan- mật
11	Định lượng Bilirubin trực tiếp	Đánh giá chức năng gan- mật
12	Định lượng Bilirubin gián tiếp	Đánh giá chức năng gan- mật
13	Định lượng Protein toàn phần	Đánh giá chức năng gan- mật
14	Định lượng Albumin	Đánh giá chức năng gan- mật
15	Định lượng Uric	Chẩn đoán bệnh Goute
16	Định lượng Ure	Đánh giá chức năng thận
17	Định lượng Creatinine	Đánh giá chức năng thận
18	Định lượng Điện giải đồ	Theo dõi rối loạn điện giải
19	Định lượng Calci toàn phần	Theo dõi rối loạn điện giải
20	Định lượng Ferritin	Theo dõi thiếu máu
21	Đo hoạt độ Amylase	Chẩn đoán viêm tụy, viêm tuyến nước bọt .
22	Đo hoạt độ Lipase	Chẩn đoán viêm tụy
23	Đo hoạt độ CK-MB	Chẩn đoán nhồi máu cơ tim
24	Định lượng CRP - HS	Đánh giá yếu tố nguy cơ tim mạch

25	Định lượng Ethanol	Chẩn đoán ngộ độc rượu
26	Định lượng ASLO(antistrptolysin O)	Chẩn đoán nhiễm liên cầu khuẩn
Sinh hóa nước tiểu		
27	Nước tiểu 10 thông số	Phát hiện các chất bất thường trong nước tiểu giúp đánh giá chức năng gan, thận....
28	Xét nghiệm tế bào cặn niệu	Phát hiện các tế bào, tinh thể bất thường trong nước tiểu
29	Định lượng Protein niệu 24h	Chẩn đoán hội chứng thận hư
Miễn dịch hoormon		
30	Định lượng T3	Đánh giá chức năng tuyến giáp.
31	Định lượng f T3	
32	Định lượng T4	
33	Định lượng f T4	
34	Định lượng TSH	
35	Định lượng INSULIN	Chẩn đoán các u tiết insulin, theo dõi điều trị bệnh đái tháo đường.
36	Định lượng PCT	Chẩn đoán và theo dõi nhiễm khuẩn.
37	Định lượng beta hCG	Chẩn đoán có thai, theo dõi sự phát triển của thai nhi, bệnh lý nguyên bào nuôi, u tế bào mầm, trong ung thư tử cung, ung thư tinh hoàn.
38	Định lượng Cortisol	Chẩn đoán hội chứng cushing, chẩn đoán suy thượng thận.
39	Định lượng Pro BNP	Chẩn đoán và theo dõi điều trị suy tim.
40	Định lượng Troponin T	Chẩn đoán và theo dõi điều trị nhồi máu cơ tim.
Miễn dịch sang lọc ung thư		
41	Định lượng AFP	Chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư gan, tế bào mầm.

42	Định lượng CA 199	Chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư tụy, đường tiêu hóa, gan.
43	Định lượng CA 724	Chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư buồng trứng, vú, dạ dày ruột.
44	Định lượng CEA	Chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư trực tràng, dạ dày ruột, tụy, vú.
45	Định lượng SCC	Chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư tế bào vảy ở cổ tử cung, phổi, da, đầu cổ, đường tiêu hóa, buồng trứng và đường tiết niệu.
46	Định lượng CYFRA	Hỗ trợ chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư phổi.
47	Định lượng CA 125	Chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư buồng trứng, nội mạc tử cung
48	Định lượng CA 153	Chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư vú, buồng trứng
49	Định lượng tg(thyroglobulin)	Chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư tuyến giáp thể nhú và thể nang.
50	Định lượng PSA	Chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư tuyến tiền liệt
Huyết học		
51	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy Laser	Cho biết số lượng, thành phần các loại tế bào máu
52	Hồng cầu lưới	Cho biết khả năng sinh, biệt hóa dòng hồng cầu của tủy xương
53	Huyết đồ	Đánh giá số lượng, thành phần, hình thái tế bào máu ngoại vi
54	Định nhóm máu hệ ABO	Xác định nhóm máu A, B, AB, O
55	Định nhóm máu hệ Rh	Xác định nhóm máu Rh(+), Rh(-)
56	Máu lắng (Tốc độ lắng của hồng cầu)	Ý nghĩa trong chẩn đoán thấp khớp, lao tiến triển, một số tình trạng viêm.
57	Máu chảy	Đánh giá sức bền thành mạch; thiếu hụt số lượng, chức năng tiểu cầu
58	Máu đông	Đánh giá chức năng tiểu cầu, sợi huyết

59	PT (thời gian Quick)	Đánh giá hoạt tính các yếu tố đông máu thuộc con đường đông máu ngoại sinh; theo dõi điều trị kháng vitamin K
60	APTT	Đánh giá hoạt tính các yếu tố đông máu thuộc con đường đông máu nội sinh
61	Fibrinogen	Định lượng sợi huyết
Vi sinh		
62	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	Chẩn đoán Vi khuẩn gây bệnh
63	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động	Kháng sinh đồ Vi khuẩn
64	Vi nấm nuôi cấy và định danh hệ thống tự động (nấm men)	Chẩn đoán Vi nấm gây bệnh
65	Vi nấm kháng thuốc hệ thống tự động (nấm men)	Kháng sinh đồ Vi nấm
66	Vi khuẩn nhuộm soi	
67	Vi nấm soi tươi	Tìm Vi nấm gây bệnh ngoài da, trong dịch cơ thể
68	Vi hệ đường ruột	Đánh giá tỷ lệ các loại vi khuẩn có mặt trong phân.
69	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	Tìm trực khuẩn kháng cồn, kháng axit
70	Ký sinh trùng trong phân	Chẩn đoán tình trạng nhiễm ký sinh trùng trong phân (trứng giun, sán, amip, trùng roi tiêu hóa)
71	Ký sinh trùng ngoài da	Chẩn đoán tình trạng nhiễm ký sinh trùng ngoài da (Demodex, ghẻ...)
Test nhanh máu		
72	HBs Ag	Chẩn đoán viêm gan B
73	HBeAg	Chẩn đoán và theo dõi điều trị viêm gan B
74	HCV	Chẩn đoán viêm gan C
75	HEV	Chẩn đoán viêm gan E

76	HAV	Chẩn đoán viêm gan A
77	HP	Chẩn đoán nhiễm Vi khuẩn HP dạ dày
78	Chlamydia	Chẩn đoán nhiễm Nấm Chlamydia
79	Giang mai định tính	Chẩn đoán Giang mai
80	Giang mai định lượng	Chẩn đoán Giang mai
81	Lao	Chẩn đoán Lao
82	HIV	Chẩn đoán sàng lọc HIV
83	Sốt rét	Chẩn đoán bệnh Sốt rét
84	EV 71	Chẩn đoán bệnh Chân tay miệng
85	Dengue	Chẩn đoán sốt xuất huyết Dengue
Test nhanh nước tiểu		
86	Heroin	Tìm Heroin trong nước tiểu
87	HCG	Tìm chất gây nghiện trong nước tiểu
88	HCG	Test thử thai bằng nước tiểu
Giải phẫu bệnh		
89	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	Chẩn đoán Ung thư vú, tuyến giáp, hạch, u tuyến nước bọt, u dưới da...
90	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou	Chẩn đoán, sàng lọc ung thư cổ tử cung
91	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết	Chẩn đoán ung thư các bệnh phẩm sau mổ, bệnh phẩm sinh thiết
92	Sinh thiết tức thì bằng phương pháp cắt lạnh	Chẩn đoán tức thì trong mổ các khối u nghi ngờ ung thư

Phụ lục 02: THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ

Tên xét nghiệm	Sinh hóa	Miễn dịch	Huyết học	Test nhanh	Nước tiểu	Nhuộm soi vi khuẩn	Soi tươi (dịch, đờm...)	Soi tươi bệnh phẩm da	Nuôi cấy vi khuẩn	XN tế bào học	XN mô bệnh học
Thời gian	40-50 phút	50-60 phút	20-30 phút	30 phút	30 phút	30-40 phút	35-40 phút	55-60 phút	72 giờ	30 phút	48 giờ
Đối với bệnh nhân có chỉ định làm nhiều xét nghiệm thì thời gian trả kết quả là thời gian của xét nghiệm lâu nhất. Đối với kết quả Vi sinh, thời gian trả kết quả tính từ thời điểm phòng vi sinh tiếp nhận bệnh nhân/bệnh phẩm											

Phụ lục 03: PHIẾU CHỈ ĐỊNH XÉT NGHIỆM

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ VINH
 178 Trần Phú - Thành Phố Vinh

Mã Y Tế:
 SID:
 Số B/A:

PHIẾU CHỈ ĐỊNH

Thường ☐ Cấp cứu ☐

Họ và tên

BHYT

Địa chỉ

Tuổi

Giới

Khoa:

Buồng/giường

Chẩn đoán

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Thứ tự lấy mẫu	Mã chỉ định	Người lấy mẫu
Loại mẫu:		Nhóm xét nghiệm:		Nơi thực hiện:

...giờ...ngày....tháng...năm...

BÁC SỸ CHỈ ĐỊNH

(Ký ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4: KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ VINH
 178 Trần Phú - Thành Phố Vinh

Mã Y Tế:
 SID:
 Số B/A:

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ và tên

Đối tượng

Địa chỉ

Tuổi

Giới

Chẩn đoán

Bác sỹ chỉ định

Khoa/pk

Yêu cầu XN	Kết quả	Trị số bình thường	Đơn vị	Chú thích
Nhóm xét nghiệm:		Tình trạng mẫu:		

Chú ý: Kết quả in đậm lệch phải là kết quả cao hơn trị số bình thường

Kết quả in đậm lệch trái là kết quả thấp hơn trị số bình thường

...giờ...ngày....tháng....năm....

NGƯỜI DUYỆT KẾT QUẢ

(Ký ghi rõ họ tên)